

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số : 257/2017/DS-PT
Ngày 27-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Văn Be;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Sự – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 221/2017/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Đường N, Phường O, thành phố N, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Anh Lê Trung G sinh năm 1971 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cùng trú tại: ấp L, xã B, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1964; trú tại: khu phố I, phường E, thành phố N, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Trung G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2017, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Lê Thị T trình bày:

Chị và chị Huỳnh Thị D là bạn bè thân thiết với nhau, chị có cho chị D vay tiền nhiều lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất (không nhớ ngày tháng) chị D vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để cho em ruột anh G làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời hạn cho vay là ½ tháng.

+ Lần thứ hai (không nhớ ngày tháng) chị D vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích để cho chị ruột anh G đáo hạn ngân hàng, thời hạn cho vay là 01 tuần.

+ Lần thứ ba (không nhớ ngày tháng) chị D vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích để mua xe cho con gái, chị D chỉ hẹn bao giờ anh G chuyển nhượng đất xong sẽ trả nợ.

+ Lần thứ 4 (không nhớ ngày tháng) chị D vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để làm vốn kinh doanh rạp cưới, chị D hứa bao giờ hết hội sẽ trả.

Tổng số tiền vốn gốc chị D vay của chị là 150.000.000 đồng, các lần chị D vay tiền đều không thỏa thuận lãi suất, không trả lãi, không viết giấy nợ, cũng như không thế chấp tài sản. Đến ngày 10/11/2016 (âm lịch) chị và chị D tính nợ thì chị D có viết, ký tên giấy nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng.

Do chị D không có khả năng trả nợ nên hai bên thỏa thuận chị D sẽ trả nợ dần bằng cách để chị T tham gia góp hội của người khác đây hội 10.000.000 đồng/tháng, chị D có nghĩa vụ trả góp hội hàng tháng nhưng chỉ góp cho chị được 03 tháng với số tiền 30.000.000 đồng thì ngưng. Ngoài ra, chị D có trả góp số tiền 270.000 đồng $\times$ 52 ngày = 14.040.000 đồng và trả tiền góp xe cho bà A nhưng các khoản này không liên quan đến khoản vay mà chị khởi kiện nên chị chỉ đồng ý khấu trừ 30.000.000 đồng tiền hội đã nhận vào số tiền vốn vay mà chị D còn nợ, chị yêu cầu chị D, anh G cùng có nghĩa vụ trả số nợ 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2017 bị đơn - chị Huỳnh Thị D trình bày:

Chị có vay nợ của chị T nhiều khoản tiền tổng cộng 100.000.000 đồng, nhưng không làm giấy nợ và không có thế chấp tài sản. Do hoàn cảnh làm ăn thất bại, gia đình khó khăn không có khả năng trả nợ nên chị T buộc chị phải viết giấy nhận nợ 150.000.000 đồng, chị xác nhận giấy nhận nợ đề ngày 10/11/2016 do chị tự viết và ký tên. Việc chị vay nợ anh G chồng chị không biết. Sau khi chót nợ,

chị đã trả cho T 03 lần hụi là 30.000.000 đồng; trả góp ngày 270.000 đồng x 90 ngày = 24.300.000 đồng; trả tiền góp xe 04 tháng 3.300.000 đồng x 4 tháng = 13.560.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền góp xe; tổng số tiền chị trả cho chị T là 69.860.000 đồng, hiện chị xác nhận còn nợ chị T 80.140.000 đồng, các lần trả góp cho chị T không có giấy tờ nên chị không thể cung cấp cho Tòa án. Chị không đồng ý trả cho chị T số tiền 120.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 80.140.000 đồng.

- Anh Lê Trung G chồng chị D trình bày:

Anh không đồng ý với lời trình bày của chị T, theo anh trước đây vợ anh là D có vay tiền của chị T, nhưng đã trả một phần, cụ thể anh không biết; giao dịch nợ giữa chị T và D không thông qua ý kiến của anh và anh cũng không ký tên vào bất kỳ giấy nợ nào cho nên anh không có nghĩa vụ trả nợ cho chị T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A trình bày:

Giữa bà và chị T, D có quen biết, không có giao dịch vay tiền với nhau, do chị D có nợ chị T số tiền 40.000.000 đồng nên chị D thống nhất sẽ trả nợ dần cho chị T thông qua hợp đồng mua xe trả góp. Do bà A có nhu cầu mua xe nên các bên thỏa thuận, bà A sẽ đứng ra đăng ký mua trả góp chiếc SH mode và bà đã thanh toán số tiền 58.000.000 đồng cho chị T, riêng chị D có nghĩa vụ góp xe mỗi tháng cho bà. Hiện chị D chỉ trả góp được 04 tháng số tiền 3.396.000 đồng x 4 = 13.584.000 đồng từ khi mua xe (tháng 02/2017), có tháng chị D không thực hiện góp xe mà chỉ trả được 2.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền chị D trả góp tiền mua xe là 15.584.000 đồng. Việc mua xe này không liên quan đến khoản nợ chị T khởi kiện nên nay bà không có bất kỳ yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Áp dụng Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T đối với chị Huỳnh Thị D, anh Lê Trung G.

Chị Huỳnh Thị D, anh Lê Trung G có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị T số tiền vốn vay 105.960.000 (một trăm lẻ năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng, ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 27/9/2017 anh G kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét anh không có nghĩa vụ cùng chị D trả nợ cho chị T, vì anh không ký giấy nợ, chị D

mượn nợ không dùng vào nhu cầu thiết yếu cho gia đình; giấy nợ chị T cung cấp không có nội dung nhận nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của anh G thấy rằng khi vay tiền thì vợ chồng anh G – chị D vẫn sống chung và sử dụng tiền vay vào mục đích phục vụ gia đình. Cấp sơ thẩm buộc chị D và anh G có nghĩa vụ trả nợ cho chị T là có căn cứ, anh G kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị D vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án tiến hành niêm yết đúng theo quy định của pháp luật. Anh Lê Trung G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành vắng mặt anh G, chị D theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị D thừa nhận vào ngày 10/11/2016 (âm lịch) nhằm ngày 08/12/2016 (dương lịch) chị có viết giấy vay tiền của chị T số tiền 150.000.000 đồng. Chị đã trả cho chị T 69.860.000 đồng gồm tiền hui tháng 10.000.000 đồng x 03 tháng = 30.000.000 đồng, tiền góp ngày 270.000 đồng x 90 ngày = 24.430.000 đồng, tiền góp xe 3.390.000 đồng x 04 tháng = 13.560.000 đồng, và gởi tiền góp xe 2.000.000 đồng. Do đó, chị chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 80.140.000 đồng. Việc chị trả cho chị T số tiền 69.860.000 đồng không có giấy tờ chứng minh. Chị T chỉ đồng ý trừ số tiền hui 30.000.000 đồng. Đối với tiền góp ngày, chị D chỉ góp được 52 ngày x 270.000 đồng = 14.040.000 đồng và khoản tiền góp xe 15.560.000 đồng chị không đồng ý khấu trừ vì cho rằng hai khoản tiền này không liên quan đến khoản vay 150.000.000 đồng.

Xét thấy đối với tiền góp ngày, chị T không chứng minh nó thuộc khoản vay khác vì sau ngày 10/11/2016 âm lịch các bên không có giao dịch khác, cấp sơ thẩm buộc chị D, anh Giang có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 105.960.000 đồng là có căn cứ.

[3] Anh G kháng cáo cho rằng anh và chị D đã ly thân hơn 02 năm, việc chị D mượn tiền của chị T anh không biết, và hoàn toàn không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Xét kháng cáo của anh G thấy rằng: Tại bản tự khai lập ngày 06/7/2017 (BL số 22) anh G xác nhận chị T và chị D có quan hệ làm ăn trên 5 năm, chị D có nợ chị T số tiền vốn gốc là 129.700.000 đồng và sau đó trả tiền lãi nhiều lần.

Anh chấp nhận trả cho chị T số tiền 100.000.000 đồng nhưng hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 02/8/2017 (BL số 25) chị D trình bày: Chị và chị T có quan hệ vay tiền qua lại gần 10 năm, ngày 10/11/2016 âm lịch chị có ghi giấy nợ chị T 150.000.000 đồng và ký tên. Mục đích vay tiền từng lần là làm vốn mua bán.

Xét thấy tại thời điểm chị D vay tiền của chị T, thì anh G và chị D vẫn sống chung một nhà, vẫn chưa ly hôn và chị D vay tiền dùng vào việc mua bán để chăm lo cuộc sống trong gia đình. Cấp sơ thẩm buộc anh G cùng chị D có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền trên là có căn cứ đúng với quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh G kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh G phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T đối với chị Huỳnh Thị D, anh Lê Trung G.

Buộc chị Huỳnh Thị D và anh Lê Trung G có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị T số tiền vốn vay 105.960.000 (một trăm lẻ năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng, ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D, anh G không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị D, anh G còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị D, anh Lê Trung G phải chịu 5.298.000 (năm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Chị Lê Thị T phải chịu 702.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai số 0004175 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị T số tiền 3.048.000 (ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Trung G phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn) vào số tiền tạm, ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004469 ngày 27/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh. Anh G đã nộp xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND H. H;
- Chi cục THADS H. H;
- Dương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hữu Chiến

